

ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA MALAIXIA

TRẦN THỊ LAN HƯƠNG*

So với các nước trong khu vực ASEAN, Malaixia có những chính sách thu hút đầu tư nước ngoài được đánh giá là hấp dẫn nhất. Chính sách đầu tư nước ngoài của đất nước này luôn có những điều chỉnh quan trọng theo từng thời điểm cần thiết để thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư nước ngoài, phục vụ công cuộc công nghiệp hoá đất nước. Bài viết sau đây sẽ phân tích những điều chỉnh cơ bản trong chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Malaixia trong vài thập kỷ qua, đánh giá những tác động của những lần điều chỉnh đó và rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

I. NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CHỦ YẾU CỦA MALAIXIA

1. Hoạch định chính sách đầu tư nước ngoài ở Malaixia

Kể từ khi giành được độc lập, đến những năm 1980 khi chính sách đầu tư nước ngoài của Malaixia có xu hướng mở cửa và cho đến ngày nay khi môi trường đầu tư nước ngoài của Malaixia được tự do hoá hoàn toàn, chính phủ luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạch

định chính sách. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, “nếu thiếu đi sự can thiệp của chính phủ, Malaixia không thể trở thành một địa chỉ quan trọng của các hãng đầu tư nước ngoài trong ngành lắp ráp điện tử của thập kỷ 70 trong thế kỷ XX”.

Đầu tư nước ngoài của Malaixia được thực hiện thông qua các công cụ chính sách khác nhau, bao gồm hệ thống luật pháp, những chỉ dẫn chính sách, các thể chế khác nhau. Trước hết, đầu tư nước ngoài vào Malaixia phải tuân thủ tất cả các thiết chế chính trị - kinh tế - xã hội của đất nước, cụ thể là tuân thủ theo Hiến pháp Liên bang, Chính sách kinh tế mới (NEP, 1970-1990), Chính sách phát triển quốc gia (NDP, 1990-2000), Chính sách tầm nhìn mới (2001-2010) với những ưu đãi cơ bản giành cho người bản địa (bumiputra). Điều này có nghĩa là đầu tư nước ngoài vào Malaixia được khuyến khích trong các ngành nghề do người bản địa nắm giữ theo nguyên tắc đối xử quốc gia ưu đãi nhất.

Tiếp theo đó, đầu tư nước ngoài vào Malaixia được tuân thủ theo các luật pháp và các chỉ dẫn khác nhau, do Bộ công thương (MITI), Ủy ban phát triển công nghiệp Malaixia (MIDA) Ủy ban đầu

* Ths. Trần Thị Lan Hương, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

tư nước ngoài (FIC) trực tiếp quản lý. Khác với nhiều nước trong khu vực, Malaixia không ban hành Luật đầu tư nước ngoài để vạch ra những nguyên tắc và luật lệ chung cho các hoạt động đầu tư nước ngoài. Thay vào đó, đầu tư nước ngoài vào Malaixia được thực hiện thông qua Đạo luật phối hợp công nghiệp (ICA) năm 1975, Đạo luật thúc đẩy đầu tư (PIA) năm 1986. Ngoài ra, đầu tư nước ngoài vào Malaixia còn phải tuân thủ theo các đạo luật sau: Luật công ty năm 1965, Đạo luật thuế thu nhập (ITA) năm 1967, Đạo luật Hải quan năm 1967, Đạo luật thuế mua hàng năm 1972 và Đạo luật thuế môn bài năm 1976, Đạo luật đất đai điều chỉnh năm 1997, Luật lao động năm 1935, Luật mối quan hệ công nghiệp năm 1967, Luật các liên đoàn thương mại năm 1959, Luật chất lượng môi trường năm 1974 (sửa đổi năm 1996), Luật trọng tài phân xử năm 1952, Luật giải quyết tranh chấp đầu tư năm 1966...

Nhìn chung, Malaixia là nước có hệ thống luật lệ hoàn chỉnh nhất trong số các nước ASEAN liên quan đến vấn đề thu hút đầu tư nước ngoài. Đặc trưng chủ yếu của chính sách đầu tư ở Malaixia là chính phủ không đề ra những luật lệ riêng cho các nhà đầu tư nước ngoài như Luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hay Luật kinh doanh nước ngoài ở Thái Lan. Đầu tư nước ngoài ở Malaixia được đặt trong một hệ thống luật hoàn chỉnh (như đã nêu ở trên) và điều này cho phép chính phủ tối đa hoá phạm vi chính sách và sự điều tiết để kiểm soát nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế và phát triển công nghiệp trong những thời điểm cụ thể.

2. Điều chỉnh chính sách đầu tư nước

ngoài ở Malaixia

a. Thay đổi cơ cấu sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài

Do những đặc thù của một đất nước đa sắc tộc và nhằm nâng cao vị thế của người Mãlai bản địa trong nền kinh tế, ngay từ thời mới giành được độc lập, Đạo luật phối hợp công nghiệp năm 1975 đã quy định sở hữu cổ phần trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài theo tỷ lệ như sau: 30% giành cho người nước ngoài, 30% giành cho người bản địa bumiputra và 40% giành cho người Malaixia không phải là người bản địa. Nếu sở hữu nước ngoài là 70%, thì người bumiputra sẽ được 30%.

Các biện pháp tự do hoá đầu tư nước ngoài được áp dụng kể từ năm 1998, cho phép sở hữu 100% nước ngoài trong tất cả các ngành chế tạo mà không kèm theo các điều kiện xuất khẩu nào cho tất cả các dự án đầu tư mới được phê chuẩn đến ngày 31/12/2003. Việc mở cửa hoàn toàn ngành chế tạo cho FDI đã tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài trong ngành chế tạo được cạnh tranh tự do trên thị trường trong nước. Tuy nhiên trong những lĩnh vực công nghệ thấp như sản xuất bao bì bằng giấy, nhựa tổng hợp, sản xuất ống tiêm nhựa, chế tạo kim loại, mạ kim loại..., người nước ngoài không được quyền sở hữu 100% vốn. Cho đến năm 1998, giới hạn cổ phần của người nước ngoài vẫn do chính sách công nghiệp quyết định. Chính sách công nghiệp của Malaixia chủ yếu là nhằm thúc đẩy các ngành công nghiệp hướng về xuất khẩu. Sau khủng hoảng chính sách công nghiệp quy định: các dự án có 80% sản phẩm xuất khẩu sẽ được phép sở hữu 100% vốn nước ngoài; trong ngành viễn thông, các nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu

61% cổ phần, sau 5 năm tỷ lệ cổ phần của người nước ngoài sẽ rút xuống còn 49%. Nếu đầu tư vào lĩnh vực bảo hiểm thì cổ phần tối đa của người nước ngoài là 51%. Trong lĩnh vực đóng tàu, sở hữu của người nước ngoài được phép là 70%. Trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng, sở hữu của người nước ngoài tối đa là 49%. Sau khủng hoảng, chính phủ cũng cho phép các nhà đầu tư nước ngoài có cổ phần tại 2 doanh nghiệp lớn thuộc quyền quản lý chặt chẽ của chính phủ, đó là Hãng hàng không Malaixia (MAS) và Tập đoàn sản xuất ô tô Proton. Chính phủ cũng cho phép người nước ngoài được mua các tài sản chiến lược của quốc gia và được quản lý một số sân bay của đất nước - điều này vốn không được phép cho người nước ngoài tham gia trước thời kì xảy ra khủng hoảng.

Bên cạnh những quy định mới về sở hữu vốn của người nước ngoài, chính phủ Malaixia cũng nói lỏng những quy định về sở hữu bất động sản đối với người nước ngoài. Đó là: Người nước ngoài được vay vốn từ các ngân hàng Malaixia để trang trải cho việc mua bất động sản; Người Malaixia không phải xin phép Ủy ban đầu tư nước ngoài (FIC) nếu mua một bất động sản trị giá dưới 10 triệu Ringit (trước đó, quy định này áp dụng với mỗi bất động sản trị giá dưới 5 triệu Ringit); Các công ty và cá nhân bán một bất động sản trị giá dưới 20 triệu Ringit chỉ phải thông báo cho FIC để lưu hồ sơ; Các công ty nước ngoài thành lập tại bất cứ quốc gia thành viên ASEAN nào nhưng hoạt động tại Malaixia đều được sở hữu văn phòng trị giá trên 25.000 Ringit mà không cần bất cứ điều kiện nào về cổ phần (trước đây các công ty này được mua bất động sản xây mới).

b. Điều chỉnh các biện pháp khuyến khích đầu tư

** Điều chỉnh các biện pháp đầu tư vào các ngành ưu tiên*

Đạo luật thúc đẩy đầu tư năm 1986 đã đưa ra những danh mục khuyến khích đầu tư theo hướng ưu tiên cho các ngành khác nhau. Những dự án đầu tư trong các ngành công nghệ ưu tiên sẽ được miễn giảm thuế đầu tư 60% trong thời hạn 5 năm. Những dự án đầu tư trong các ngành dệt may, đồ gỗ, máy móc được miễn giảm thuế 100% trong thời hạn 5 năm. Những dự án lớn, đầu tư công nghệ hiện đại được miễn thuế thu nhập 10 năm và giảm thuế đầu tư đến 100% trong vòng 5 năm.

Khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997 tác động đến Malaixia rất nặng nề và một trong những nguyên nhân quan trọng là dịch chuyển cơ cấu kinh tế của đất nước này không hiệu quả đã khiến định hướng xuất khẩu bị phá vỡ. Chính phủ đã quyết định điều chỉnh những biện pháp đầu tư vào các ngành ưu tiên, cụ thể như sau:

+ Thiết lập Siêu hành lang đa phương tiện (MSC) vào năm 1996 để tạo ra những ưu đãi cho hầu hết các dự án công nghiệp chế tạo, đặc biệt là công nghệ thông tin và các công nghệ cao khác. Hầu hết các dự án của các nhà đầu tư nước ngoài thuộc chương trình MSC đều nhận được những ưu đãi về thuế và sự miễn giảm trong giao dịch ngoại hối khi cam kết chuyển giao công nghệ cho Malaixia. Nhiều tập đoàn đa quốc gia đã sử dụng MSC, bao gồm HSBC và BMW, Intel, Simens, BT, Mitsubishi... cùng các tập đoàn khác để hưởng những ưu đãi của chính phủ. Vào năm 2005, chính phủ Malaixia đã thông báo toàn bộ các công ty nước ngoài tại

vùng Penang đã sử dụng sự ưu đãi này trong MSC.

+ Trong Kế hoạch khuyến khích kinh tế trọn gói năm 2003, chính phủ Malaixia đã tiến hành miễn giảm hoàn toàn thuế công ty cho các dự án đầu tư nước ngoài thuộc các ngành công nghiệp ưu tiên và thời hạn miễn thuế đã tăng lên 15 năm so với 10 năm trước đây. Tuy nhiên, trong các ngành công nghiệp không thuộc ưu tiên cao của chính phủ, thời hạn miễn thuế chỉ còn là 5 năm so với 10 năm trước đây.

+ Trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 9 bắt đầu từ năm 2006, chính phủ đã khuyến khích đầu tư nước ngoài trong các ngành công nghệ thông tin, khách sạn, du lịch, quản lý môi trường, Nghiên cứu và triển khai (R&D), thương mại, công nghệ sinh học.

** Điều chỉnh các biện pháp đầu tư vào các vùng ưu tiên*

Đạo luật thúc đẩy đầu tư năm 1986 quy định: các công ty đầu tư nước ngoài ở các vùng ưu tiên (điển hình là Sarawak, Sabah) được miễn giảm từ 70-100% thuế thu nhập trong vòng 5 năm; được thuê đất đai với chi phí rẻ và được thanh toán tiền thuê đất dưới hình thức trả chậm. Những dự án chế tạo ở Sarawak, Sabah phục vụ cho nhu cầu thị trường nội địa sẽ được miễn 100% thuế nhập khẩu nguyên liệu thô, thành phẩm, linh kiện phục vụ sản xuất; miễn giảm tất cả các loại thuế và chi phí cho các dự án đầu tư vào ngành chế biến gỗ (trừ gỗ dán, gỗ xây dựng và gỗ trang trí). Malaixia cũng tập trung những biện pháp ưu đãi để phát triển các khu thương mại tự do, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Những vùng ưu tiên này được hưởng những quy chế đặc biệt của chính phủ như các dịch vụ hấp dẫn, ưu đãi hải quan, trợ cấp và miễn giảm thuế xuất

khẩu, khấu trừ thuế thu nhập. Các công ty đầu tư công nghệ cao được giảm 60% thuế đầu tư trong vòng 5 năm, các công ty cung cấp dịch vụ R&D được miễn giảm 100% chi phí quản lý vốn, 100% thuế thu nhập trong vòng 5 năm...

Những ưu đãi đầu tư theo vùng ưu tiên kể từ năm 1986 cho đến nay có một số sự thay đổi nhỏ. Các vùng địa lý ưu tiên đầu tư được miễn giảm thuế thu nhập trong vòng 10 năm. Các khu kinh tế tự do vẫn hoàn toàn được miễn thuế nhập khẩu với chi phí hải quan giảm đến mức tối thiểu. Tuy nhiên, chính phủ đã phân loại lại các khu kinh tế tự do thành Các khu công nghiệp tự do (FIZs) và Các khu thương mại tự do (FCZs) với quy định các công ty phải xuất khẩu ít nhất 80% sản phẩm. Hàng hoá của các khu kinh tế tự do được bán vào thị trường nội địa bị áp dụng một mức thuế nhập khẩu nhất định.

** Các biện pháp khác*

- Nói lỏng sự kiểm soát đối với dòng đầu tư nước ngoài, chẳng hạn về lương, cổ tức, lãi suất, tiền thuê nhà... đối với người nước ngoài. Đạo luật thúc đẩy đầu tư năm 1986 quy định ngoài 70% thu nhập hợp pháp của nhà đầu tư được chính phủ trợ cấp theo Quy định trợ cấp thuế đầu tư, còn lại 30% thu nhập hợp pháp của nhà đầu tư sẽ phải chịu thuế theo mức thuế công ty hiện hành (trừ bang Sarawak). Những quy định này đã được nói lỏng trong những năm sau đó, và vào tháng 5/2001 chính phủ đã huỷ bỏ tất cả các biện pháp kiểm soát đối với người nước ngoài, huỷ bỏ mức thuế 10% đánh vào lợi nhuận chuyển tiền ra nước ngoài. Thuế thu nhập hiện nay chỉ còn 28% trong tất cả các ngành nghề, 10% đối với các dự án công nghệ và dịch vụ quản lý, 38% trong ngành công nghiệp dầu khí. Năm 2005,

chính phủ đã ban hành luật mới về thuế dịch vụ và hàng hoá, bắt đầu được áp dụng từ năm 2007. Cho đến nay, Malaixia không đưa ra những giới hạn về sở hữu đất đai và nhà ở đối với người nước ngoài. Để đảm bảo an toàn vốn cho các nhà đầu tư nước ngoài, chính phủ đã kí kết hơn 54 hiệu ước đảm bảo đầu tư với cam kết không tước đoạt hoặc quốc hữu hoá vốn đầu tư nước ngoài.

Ngay trong khủng hoảng tài chính năm 1997, chính phủ đã thực hiện chính sách kiểm soát vốn có lựa chọn kể từ ngày 1/9/1998. Trong đó có giải pháp cố định đồng Ringit ở mức 3,8 RM = 1 USD; đầu tư nước ngoài tại thị trường chứng khoán Malaixia chỉ được rút khỏi sau thời hạn 1 năm.

Vào ngày 15/2/1999, các biện pháp kiểm soát vốn có lựa chọn của Malaixia đã được sửa đổi hiệu quả hơn thông qua việc chuyển kiểm soát vốn về số lượng sang kiểm soát vốn bằng điều tiết giá cả. Kể từ ngày 21/9/1999, biện pháp đánh thuế đối với các khoản tiền đưa ra khỏi Malaixia được nới lỏng hơn chỉ còn ở mức 10% đối với lợi nhuận hồi hương. Vào ngày 21/6/2005, Ngân hàng trung ương Negara đã huỷ bỏ tỷ giá cố định 3,8 RM = 1 USD và chuyển đồng Ringit sang chế độ thả nổi theo rổ tiền tệ trên thị trường.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực: Đạo luật thúc đẩy đầu tư năm 1986 khuyến khích các dự án thành lập các trường đào tạo nguồn nhân lực với điều kiện ưu đãi là được giảm thuế 100% trong thời hạn 10 năm, đồng thời được miễn thuế nhập khẩu các máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu dùng cho đào tạo. Giảm 10% trong giai đoạn đầu đối với thuế xây dựng các cơ sở đào tạo và sau đó giảm bình quân 2% hàng năm cho các năm sau.

Các dự án có cơ sở đào tạo còn được trợ giúp từ Quỹ phát triển nguồn nhân lực của chính phủ. Trong thời gian gần đây, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận sự chuyển giao công nghệ trong các dự án FDI, Malaixia đã có những điều chỉnh chính sách đào tạo và tái đào tạo lực lượng lao động của mình. Chính phủ cũng khuyến khích các xí nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chương trình “Người cung cấp toàn cầu” (năm 1999) để mở rộng sự liên kết nội địa với các công ty đầu tư nước ngoài và mở rộng mạng lưới thương mại ra toàn cầu. Theo Chương trình này, các công ty địa phương sẽ được đào tạo kỹ năng lãnh đạo, tay nghề và công nghệ sản xuất với chi phí được chính phủ trợ cấp 50%, nhằm tạo nên đội ngũ lao động có khả năng thích ứng nhanh những yêu cầu mà các công ty nước ngoài đặt ra.

- Phát triển cơ sở hạ tầng: Từ đầu thập kỷ 1980, Malaixia đã chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng để tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài. Tính đến năm 1998, Malaixia đã có hệ thống đường cao tốc hiện đại nối liền các vùng trong cả nước, trong đó nổi bật là đường cao tốc Bắc - Nam và Kuala Lumpur - Karak. Hệ thống đường sắt, vận tải hàng không cũng phát triển mạnh. Sau khủng hoảng tài chính năm 1997, chính phủ đã chi 4.042 tỷ RM cho việc làm đường xá, cầu cống, đường sắt, cảng, hàng không dân dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, chính phủ đã thành lập Quỹ phát triển cơ sở hạ tầng trị giá 5 tỷ RM giành riêng để trợ giúp tài chính cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đang tiến hành và các dự án liên quan đến các chương trình công cộng lớn, tránh sự trì hoãn do thiếu vốn hoặc do những khó khăn do khủng hoảng gây ra.

chính phủ đã ban hành luật mới về thuế dịch vụ và hàng hoá, bắt đầu được áp dụng từ năm 2007. Cho đến nay, Malaixia không đưa ra những giới hạn về sở hữu đất đai và nhà ở đối với người nước ngoài. Để đảm bảo an toàn vốn cho các nhà đầu tư nước ngoài, chính phủ đã kí kết hơn 54 hiệu ước đảm bảo đầu tư với cam kết không tước đoạt hoặc quốc hữu hoá vốn đầu tư nước ngoài.

Ngay trong khủng hoảng tài chính năm 1997, chính phủ đã thực hiện chính sách kiểm soát vốn có lựa chọn kể từ ngày 1/9/1998. Trong đó có giải pháp cố định đồng Ringit ở mức 3,8 RM = 1 USD; đầu tư nước ngoài tại thị trường chứng khoán Malaixia chỉ được rút khỏi sau thời hạn 1 năm.

Vào ngày 15/2/1999, các biện pháp kiểm soát vốn có lựa chọn của Malaixia đã được sửa đổi hiệu quả hơn thông qua việc chuyển kiểm soát vốn về số lượng sang kiểm soát vốn bằng điều tiết giá cả. Kể từ ngày 21/9/1999, biện pháp đánh thuế đối với các khoản tiền đưa ra khỏi Malaixia được nới lỏng hơn chỉ còn ở mức 10% đối với lợi nhuận hồi hương. Vào ngày 21/6/2005, Ngân hàng trung ương Negara đã huỷ bỏ tỷ giá cố định 3,8 RM = 1 USD và chuyển đồng Ringit sang chế độ thả nổi theo rổ tiền tệ trên thị trường.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực: Đạo luật thúc đẩy đầu tư năm 1986 khuyến khích các dự án thành lập các trường đào tạo nguồn nhân lực với điều kiện ưu đãi là được giảm thuế 100% trong thời hạn 10 năm, đồng thời được miễn thuế nhập khẩu các máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu dùng cho đào tạo. Giảm 10% trong giai đoạn đầu đối với thuế xây dựng các cơ sở đào tạo và sau đó giảm bình quân 2% hàng năm cho các năm sau.

Các dự án có cơ sở đào tạo còn được trợ giúp từ Quỹ phát triển nguồn nhân lực của chính phủ. Trong thời gian gần đây, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận sự chuyển giao công nghệ trong các dự án FDI, Malaixia đã có những điều chỉnh chính sách đào tạo và tái đào tạo lực lượng lao động của mình. Chính phủ cũng khuyến khích các xí nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chương trình "Người cung cấp toàn cầu" (năm 1999) để mở rộng sự liên kết nội địa với các công ty đầu tư nước ngoài và mở rộng mạng lưới thương mại ra toàn cầu. Theo Chương trình này, các công ty địa phương sẽ được đào tạo kỹ năng lãnh đạo, tay nghề và công nghệ sản xuất với chi phí được chính phủ trợ cấp 50%, nhằm tạo nên đội ngũ lao động có khả năng thích ứng nhanh những yêu cầu mà các công ty nước ngoài đặt ra.

- Phát triển cơ sở hạ tầng: Từ đầu thập kỷ 1980, Malaixia đã chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng để tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài. Tính đến năm 1998, Malaixia đã có hệ thống đường cao tốc hiện đại nối liền các vùng trong cả nước, trong đó nổi bật là đường cao tốc Bắc - Nam và Kuala Lumpur - Karak. Hệ thống đường sắt, vận tải hàng không cũng phát triển mạnh. Sau khủng hoảng tài chính năm 1997, chính phủ đã chi 4.042 tỷ RM cho việc làm đường xá, cầu cống, đường sắt, cảng, hàng không dân dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, chính phủ đã thành lập Quỹ phát triển cơ sở hạ tầng trị giá 5 tỷ RM giành riêng để trợ giúp tài chính cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đang tiến hành và các dự án liên quan đến các chương trình công cộng lớn, tránh sự trì hoãn do thiếu vốn hoặc do những khó khăn do khủng hoảng gây ra.

Các dự án được cung cấp tài chính từ Quỹ này gồm: mạng lưới vận tải đường sắt bao gồm đường ray điện tử từ Putra, Star, và ERL; Hệ thống cảng gồm cảng Kuatan và cảng Tanjung Pelepas; Đường cao tốc bao gồm tuyến đường Kuala Lumpur, tuyến Cheras-Kajang và tuyến Ipah – Lumut; Các dự án cung cấp nước; Các dự án xử lý chất thải và hệ thống thoát nước. Ngoài Quỹ phát triển cơ sở hạ tầng, chính phủ còn tiến hành nâng cấp các sân bay quốc tế ở Penang, Kuala Lumpur, Kota Kinabalu, Johor Nahru, Kuching, Tawau. Cho đến nay, hệ thống cầu cảng, hàng không đóng vai trò quan trọng ở Malaixia. Vào tháng 7 năm 2006, cảng Klang thuộc khu kinh tế tự do Klang đã chính thức hoạt động nối liền hoạt động đầu tư và xuất khẩu của 13 khu công nghiệp tự do và 12 khu thương mại tự do của toàn đất nước Malaixia.

- Minh bạch hoá các chính sách: Các hiệp ước đảm bảo đầu tư (IGAs) đã khiến các nhà đầu tư tăng thêm niềm tin vào môi trường đầu tư ở Malaixia. IGAs cam kết không quốc hữu hoá các công ty đầu tư nước ngoài, đảm bảo sự bồi thường đầy đủ trong trường hợp buộc phải quốc hữu hoá, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài chuyển vốn, lợi nhuận và các chi phí khác, giải quyết tranh chấp theo đúng Công ước giải quyết tranh chấp đầu tư mà Malaixia là thành viên kể từ năm 1996. Malaixia đã ký IGAs với các nước ASEAN, Tổ chức các quốc gia Hồi giáo (OIC).

Ngoài ra, nhằm mục đích lành mạnh hoá hệ thống tài chính ngân hàng, chính phủ đã tiến hành sáp nhập dần 58 ngân hàng và các công ty tài chính thành 10 ngân hàng lớn hơn kể từ năm 1997; thành lập quỹ Danaharta để mua lại các khoản

nợ không thể hoàn trả của các ngân hàng và kiểm soát việc thu lại các khoản nợ khó đòi này cũng như việc phục hồi vay vốn của các công ty. Kể từ sau năm 1997, các công ty tài chính mới bị hạn chế thành lập. Các ngân hàng nước ngoài muốn tham gia thị trường tài chính phải mua lại cổ phần của các tổ chức tài chính hiện hành nhưng không được vượt quá 30%. Tháng 2 năm 2000, chính phủ đã củng cố lại sức mạnh của 10 ngân hàng lớn nhất, tạo tính cạnh tranh cho họ trên thị trường toàn cầu, và tháng 3 năm 2002 tất cả các tổ chức tài chính đã được sáp nhập vào 10 ngân hàng lớn nhất ở Malaixia sẽ chỉ dừng lại ở con số 4-6 ngân hàng trong vài năm tới.

II. HIỆU QUẢ ĐIỀU CHỈNH CÁC CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở MALAIXIA

1. Động thái vốn đầu tư nước ngoài tăng giảm theo các lần điều chỉnh

Nhờ điều chỉnh chính sách FDI linh hoạt và kịp thời, dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Malaixia tăng liên tục. Nếu như vào năm 1970, FDI vào Malaixia chỉ đạt khoảng 368 triệu USD, sau đó giảm mạnh chỉ đạt 171 triệu USD vào năm 1973 do những ảnh hưởng tiêu cực của NEP về quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần của người bản địa bumiputra khiến dòng vốn đầu tư của Hoa kiều và người Anh tháo chạy khỏi Malaixia, thì vào cuối thập kỷ 1970 dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Malaixia bắt đầu có khuynh hướng gia tăng trở lại do có sự hình thành các khu kinh tế tự do. Trong thập kỷ 1980, vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng gia tăng do những chính sách tự do hoá đầu tư ngày càng được chính phủ áp dụng nhiều hơn. Trong

giai đoạn 1980-1983, FDI vào Malaixia đạt mức bình quân 1308 triệu USD, sau đó có suy giảm vào năm 1984 do khủng hoảng kinh tế trong nước và thế giới, cuối cùng lại có xu hướng tăng trở lại vào những năm cuối thập kỷ 1980. Việc áp dụng Đạo luật thúc đẩy đầu tư vào năm 1986 đã tiếp một luồng sinh khí mới cho dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Malaixia. Trong thời kỳ này, các ngành công nghiệp chế tạo bắt đầu trở thành khu vực thu hút đầu tư chủ yếu của cả nước do những chính sách khuyến khích FDI vào các ngành ưu tiên vào năm 1986. Những năm đầu thập kỷ 1990, FDI vào Malaixia tăng khá mạnh và đạt mức kỷ lục 17,5 tỷ RM (6822 triệu USD) vào năm 1996.

Khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 đã tác động nặng nề đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Malaixia. Năm 1997, FDI vào Malaixia chỉ đạt con số 13 tỷ RM, sau đó đạt 13,1 tỷ RM vào năm 1998 và giảm còn 12,3 tỷ RM vào năm 1999. Những biện pháp kích thích kinh tế trọng gói cùng các chính sách điều chỉnh trong thu hút đầu tư nước ngoài trong năm 1999 và năm 2000 đã khiến dòng vốn FDI phục hồi trở lại. Năm 2000, FDI vào Malaixia đạt mức 19,8 tỷ RM, năm 2001 đạt 18,8 tỷ RM, năm 2002 đạt 12 tỷ RM, 2003 đạt 16,6 tỷ RM, năm 2004 đạt 15,2 tỷ RM. Trong những năm 2005-2007, đầu tư nước ngoài vào Malaixia đạt mức kỷ lục. Năm 2007, đầu tư nước ngoài trong ngành chế tạo đạt 59,9 tỷ RM (18,6 tỷ USD), cao gấp đôi so với mục tiêu chính phủ đề ra là 27,5 tỷ RM (8,54 tỷ USD) vào cuối năm 1996. Môi trường đầu tư hấp dẫn đang khiến Malaixia trở thành điểm đến của các nhà đầu tư nước ngoài và dự kiến vào năm 2009 số vốn đầu tư nước ngoài vào Malaixia có thể vượt quá mức

59 tỷ RM do chính phủ tiếp tục những biện pháp khuyến khích đầu tư.

2. Cơ cấu ngành đầu tư tập trung theo hướng ưu tiên điều chỉnh chính sách

FDI đóng vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp và phục vụ các mục tiêu chính trị - xã hội của đất nước. Nếu như năm 1980 (trước khi ban hành Đạo luật thúc đẩy đầu tư năm 1986 theo hướng ưu tiên đầu tư nước ngoài trong các ngành công nghiệp mũi nhọn), cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành là như sau: thực phẩm chiếm 19% tổng vốn đầu tư nước ngoài, dệt may chiếm 14%, hoá chất chiếm 11%, điện - điện tử chiếm 9%; thì đến năm 2002 cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài vào Malaixia là như sau: điện - điện tử chiếm 34%, hoá dầu 29%, chế biến lương thực thực phẩm 6%, hoá chất và sản phẩm hoá chất 5%, thiết bị vận tải 4%, các ngành khác 22%. Năm 2004, cơ cấu vốn đầu tư theo ngành là như sau: điện tử 51,9%, công nghiệp in và giấy 10,3%, hoá dầu 6,1%, thép xây dựng 5,6%, hoá chất 4,2%, chế biến lương thực thực phẩm 2,9%, các ngành khác 19%. Rõ ràng, những điều chỉnh chính sách đầu tư nước ngoài theo các ngành ưu tiên đã đem lại những tác động tích cực, quan trọng.

Trong hình thức đầu tư R&D và chuyển giao công nghệ, các nhà đầu tư nước ngoài đóng góp tới 64% trong tổng chi tiêu R&D của ngành tư nhân, cao hơn mức chi tiêu R&D của chính phủ vào năm 2000. Mặc dù không có những đánh giá chính xác về chuyển giao công nghệ của các công ty xuyên quốc gia có mặt ở Malaixia, nhưng nhiều nghiên cứu đã cho rằng chuyển giao công nghệ thông qua các dự án FDI ở Malaixia là cực kỳ hiệu quả. Tác động của mối liên kết ngành trong các dự án FDI cũng rất lớn, bởi nó huy động

hiều nguồn lực và đòi hỏi sự liên kết của rất nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Ngày nay, các nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Malaixia hầu hết đều xuất phát từ các nước có công nghệ nguồn như Đức, Mỹ, Xingapo, Hà Lan, Nhật Bản, Anh, Thụy Điển, NIEs Đông Á, trong đó Mỹ chiếm tới 18% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Malaixia năm 2001, đứng ở mức 14,9% năm 2002, 13,9% năm 2003, 8% năm 2004, là một trong những nhà đầu tư lớn nhất vào Malaixia. Năm 2007, Nhật Bản đứng đầu danh sách các nhà đầu tư nước ngoài vào Malaixia trong ngành chế tạo, với tổng vốn đầu tư 2 tỷ USD, tiếp theo là Đức, Iran, Mỹ, Xingapo và Ấn Độ.

3. Thúc đẩy xuất khẩu

Tại Malaixia, thành công của hoạt động xuất khẩu có mối liên kết chặt chẽ với việc thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là phụ thuộc vào những điều chỉnh cơ cấu ngành và những ưu đãi đối với xuất khẩu hàng hoá trong các dự án FDI. Cho đến nay, Malaixia lọt vào top 5 nước có môi trường đầu tư hấp dẫn nhất Đông Nam Á và FDI chiếm tới 1/3, đôi khi chiếm 1/2 trong tổng vốn đầu tư tư nhân. Các hoạt động tạo giá trị gia tăng trong các dự án FDI và việc tăng nhanh năng suất lao động đã khiến các hoạt động xuất khẩu bùng nổ ở Malaixia. Những ưu đãi đầu tư nước ngoài trong ngành công nghiệp điện tử khiến xuất khẩu hàng điện tử của Malaixia chiếm tới 65,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của đất nước vào năm 1995. Tác động liên kết công nghệ giữa ngành điện tử có vốn đầu tư nước ngoài với các công ty địa phương cũng trở nên yếu kém bởi những ưu đãi hầu hết là dành cho các nhà đầu tư nước ngoài ở các khu kinh tế tự do thuộc Malaixia. Vì vậy, khi gặp yếu tố dư thừa

hàng hoá trên thị trường điện tử thế giới vào những năm 1995-1996, xuất khẩu hàng điện tử của Malaixia gặp những khó khăn nghiêm trọng do giá thế giới giảm, chi phí sản xuất tăng (do khan hiếm lao động), thụ động về kỹ thuật (do mối liên kết kém). Trong những năm sau khủng hoảng, chính sách điều chỉnh cơ cấu và thu hút đầu tư nước ngoài theo các ngành công nghiệp ưu tiên, đặc biệt thông qua MSC đã khiến xuất khẩu của Malaixia phục hồi, đặc biệt là xuất khẩu hàng điện, điện tử, bán dẫn, dệt may, hoá chất. Năm 2000, xuất khẩu đạt tốc độ tăng trưởng 10%, năm 2002 đạt 6% và hàng chế tạo chiếm tới 84% tổng kim ngạch xuất khẩu của Malaixia năm 2002. Các điểm đến của hàng hoá xuất khẩu Malaixia là Mỹ (20%), ASEAN (26%), NIEs Đông Á (13%), Nhật Bản (11%), EU (12%), Trung Quốc (6%), các nước khác (12%).

4. Phục vụ các mục tiêu chính trị - xã hội của đất nước

Là một đất nước có điều kiện chính trị - xã hội đặc biệt, mục tiêu đầu tiên của chính phủ kể từ khi giành được độc lập là tạo điều kiện thuận lợi cho người bản địa Malai có cơ hội phát triển, cùng bình đẳng với các thành phần dân tộc khác trên cả nước. Nhờ NEP và chính sách phát triển quốc gia (NDP), sở hữu cổ phần của người bản địa đã tăng từ 2,4% năm 1970 lên 19,1% năm 1999. Giới hạn cổ phần cho người nước ngoài trong các dự án đầu tư nước ngoài và những quy định ràng buộc về 30% sở hữu cổ phần giành cho người bản địa trong các dự án đầu tư nước ngoài đã phần nào có những đóng góp quan trọng trong việc tái cơ cấu sở hữu nền kinh tế ở Malaixia, tránh đi những bạo động sắc tộc như trong năm 1970 và 1980.

ra, tạo môi trường chính trị ổn định cho thu hút đầu tư nước ngoài, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế. Mặc dù trong những năm gần đây, tự do hoá đầu tư ở Malaixia đã được thực hiện triệt để, nhưng những giới hạn cổ phần cho người bản địa vẫn được duy trì và không hề có sự thay đổi.

Một vài hàm ý

Tham vọng của chính phủ Malaixia là xây dựng một xã hội công nghiệp vào năm 2020, trong đó những lợi thế so sánh mới sẽ là sự dịch chuyển từ "lấy đầu vào làm trung tâm sang lấy tri thức làm trung tâm" (Tầm nhìn 2020). Để thực hiện được điều đó, chính phủ Malaixia có rất nhiều việc cần phải làm. Xét trên khía cạnh thu hút đầu tư nước ngoài, để thực hiện tham vọng trên, trong thời gian tới chính phủ Malaixia sẽ tiếp tục điều chỉnh chính sách theo các hướng cơ bản sau:

- Tiếp tục theo đuổi chính sách tự do hoá trong thu hút đầu tư nước ngoài.

- Tiếp tục thực hiện những cam kết đầu tư trong khu vực đầu tư ASEAN (AIA) về việc nới lỏng cổ phần cho người nước ngoài, tiến hành tự nhân hoá nền kinh tế, tạo môi trường đầu tư tự do và thuận lợi cho các nước thành viên.

- Tiếp tục mở rộng các điểm đến đầu tư cho đất nước. Trong những năm tới, các nước Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, ASEAN... tiếp tục nằm trong kế hoạch điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư của Malaixia.

Nghiên cứu trường hợp điều chỉnh chính sách đầu tư nước ngoài vào Malaixia, có thể đi đến những kết luận và kiến nghị cơ bản sau:

Thứ nhất, trong quá trình thu hút đầu

tư nước ngoài, tất yếu sẽ nảy sinh những bất cập khi thực hiện chính sách đầu tư. Do vậy việc điều chỉnh chính sách đầu tư nước ngoài là cần thiết nhằm ổn định và thúc đẩy dòng vốn từ bên ngoài vào trong nước phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế. Tại Malaixia, những lần điều chỉnh chính sách tuy không nhiều, nhưng diễn ra trong những thời điểm cần thiết nhất, chẳng hạn như thích ứng với làn sóng tự do hoá đầu tư trên thế giới, đối phó với khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á, thích nghi với sự cạnh tranh mới trên toàn cầu về việc thu hút vốn từ bên ngoài...

Thứ hai, nghiên cứu điều chỉnh chính sách đầu tư nước ngoài của Malaixia có thể thấy để dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam một cách hiệu quả, nhất thiết chúng ta phải có những sự thay đổi, điều chỉnh chính sách cho phù hợp với tình hình mới. Tuy nhiên, kinh nghiệm của nước bạn cho thấy, sự điều chỉnh chính sách theo từng thời điểm thường không bị chông chéo, do vậy chính phủ đã tự tạo ra được sự minh bạch trong chính sách, khiến các nhà đầu tư không gặp phiền hà, rắc rối khi đầu tư vào Malaixia. Mặc dù là nước không ban hành luật đầu tư nước ngoài, nhưng từ những thập kỷ 1970 và 1980 cho đến nay, những chỉ dẫn, quy định về đầu tư nước ngoài hầu như không có sự thay đổi nhiều. Những điều chỉnh trong chính sách đầu tư vào từng thời điểm cụ thể chỉ là để nới lỏng những ưu đãi tài chính, nới lỏng sở hữu cổ phần, ưu tiên nhiều hơn cho những vùng địa lý xa xôi, hoặc mở rộng những ưu đãi cho những lĩnh vực công nghệ cao. Vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài có thể đối chiếu với chính sách đầu tư cũ và những điều chỉnh đầu tư mới một cách dễ dàng, mạch lạc, từ đó sẽ lựa chọn những lĩnh vực và địa bàn

dầu tư thích hợp với mình nhất.

Thứ ba, điều chỉnh hệ thống luật pháp liên quan đến đầu tư nước ngoài phải phối hợp đồng bộ với việc điều chỉnh và nâng cấp các cơ sở hạ tầng hiện có, kể cả cơ sở hạ tầng cứng và mềm. Để ưu tiên đầu tư vào những vùng công nghệ cao, bên cạnh những điều chỉnh mang tính ưu đãi về tài chính trong chính sách đầu tư, chính phủ cũng chuẩn bị khá tốt nguồn nhân lực trong nước sao cho đáp ứng tốt nhu cầu vốn đầu tư nước ngoài sẽ vào Malaixia sau khi chính sách mới được ban hành. Để ưu tiên đầu tư vào những địa bàn xa xôi, bên cạnh những biện pháp mang tính chất khuyến khích ưu đãi rõ ràng, chính phủ đã chủ động đầu tư cơ sở hạ tầng như đường xá, cầu cống, sân bay, hải cảng để “trải thảm đỏ” đón các nhà đầu tư. Để các dòng vốn gián tiếp không rút khỏi Malaixia trong thời điểm khủng hoảng, chính phủ đã sử dụng những biện pháp can thiệp mang tính chất tạm thời, nhưng thống nhất và quyết liệt, sau đó nới lỏng dần các biện pháp này khi dòng vốn gián tiếp đã ổn định trở lại. Với sự phối hợp đồng bộ từ luật pháp, chính sách, biện pháp, các dòng vốn đầu tư vào Malaixia thường mang lại hiệu quả cao. Mặc dù là một nền kinh tế có tính chất mở cửa mạnh so với nhiều nước trong khu vực, nhưng sự can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế nói chung và trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài nói riêng vẫn ở mức độ rất cao và điều này đã góp phần tạo nên môi trường đầu tư hấp dẫn hơn cho Malaixia trong thời gian qua. Điểm quan trọng cần nói đến ở đây là: sự can thiệp mạnh của chính phủ vào chính sách thu hút đầu tư nước ngoài chỉ mang lại thành công khi chính phủ nước đó đủ năng lực và thực sự tâm huyết với các mục tiêu phát triển chung

của toàn đất nước./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arumugam Rajen, *Malaysia: an Overview of the Lagal Framework for Foreign Direct Investment*, Economics and Finance, No.5, 10/2002.
2. Malaysian Industrial Development Authority, *Invest in Malaysia: Inverstor s Guide*, 2007.
3. *Investment Regime: Malaysia*,
4. US. Department of State, *Malaysia: 2006 Investment Climate Statement*,
5. Prema – Chandra Athukorala, *Export-led Industrialisation, Employment and Equity: the Malaysian Case*, Research School of Pacific and Asian Studies, JEL Classification 053, F14, F43.
6. KPMG, *Investment in Malaysia*, 2003 KPMG.
7. Wong Hwa – Jomo K.S., *The Impact of Foreign Capital Inflows on the Malaysian Economy, 1966-1996*, FEA Working Paper No.2001-2002, 1/2001.
8. Sanjaya Lall, *competitiveness, FDI and technological activity in East Asia*; Edward Elgar Express, 2002.
9. Ross Garnaut, *Exchange rates in the East Asian crisis*, The economic development of Southeast Asia; Edward Elgar Express, 2002.
10. Prema - Chandra Athukorala, *Capital account regimes, crisis, and adjustment in Malaysia*; The economic development of Southeast Asia; Edward Elgar Express, 2002.
11. David c.Cole and Betty F.Slade; *The crisis and financial sector reform*; The economic development of Southeast Asia; Edward Elgar Express, 2002.
12. Jeffrey Heinrich and Denise Eby konan; *Prospects for FDI in AFTA*; ASEAN economic bulletin, Vol18, 8/2001.